**TIẾT 34**

**KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Năm học 2024-2025**

**Môn: Công nghệ 9 (Sách kết nối tri thức)**

## I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

- Thời điểm kiểm tra: Kiểm tra giữa học kì II, khi kết thúc nội dung:

1. Giới thiệu chung về cây ăn quả

2. Nhân giống vô tính cây ăn quả

3. Kĩ thuật trồng và chăm sóc cây ăn quả có múi.

4. Kĩ thuật trồng và chăm sóc cây nhãn

- Thời gian làm bài: 45 phút.

- Hình thức kiểm tra: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 70% trắc nghiệm, 30% tự luận).

- Cấu trúc:

- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.

- Phần trắc nghiệm: 7,0 điểm, gồm 28 câu hỏi (ở mức độ Nhận biết: 16 câu, Thông hiểu 12 câu)

- Phần tự luận: 3,0 điểm (Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1 điểm)

| **TT** | **Chương/ Chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Số tiết/đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | **Tổng số câu/ý** | | **Tổng % điểm** | **Tổng điểm** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TN** | **TN** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **1** | **Mô đun: Trồng cây ăn quả** | 1.1. Giới thiệu chung về cây ăn quả | 3 | 4 | 4 |  |  |  |  | **8** | **0** | **20,00** | **2,00** |
| 1.2. Nhân giống vô tính cây ăn quả | 4 | 5 | 6 |  |  |  |  | **11** | **0** | **26,66** | **2,75** |
| 1.3. Kĩ thuật trồng và chăm sóc cây ăn quả có múi | 4 | 5 | 2 |  |  |  | 1 | **7** | **1** | **26,66** | **2,75** |
| 1.4. Kĩ thuật trồng và chăm sóc cây nhãn | 4 | 2 |  |  | 1 |  |  | **2** | **1** | **26,66** | **2,50** |
| **Tổng** | | | **15** | **16** | **12** | **0** | **1** | **0** | **1** | **28** | **2** | **100,0** | **10,00** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **40%** | **30%** | **20%** | | **10%** | | **70%** | **30%** | **100%** |  |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70%** | | **30%** | | | |  |  | **100%** |  |

**II. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị**  **kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ**  **nhận thức** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **NB** | **TH** | **VD** | **VD cao** |
| **1** | Mô đun:  Trồng cây ăn quả | 1.1. Giới thiệu chung về cây ăn quả | **Nhận biết:**   * - Biết được các loại rễ của cây ăn quả, đa số cây ăn quả là cây thân gỗ. * Nêu được lượng mưa thích hợp với cây ăn quả hàng năm * Nhiệt độ thích hợp để cây am quýt ra hoa   **Thông hiểu:**   * Phân tích được vai trò của cây ăn * Phân tích được đặc điểm thực vật và yêu cầu ngoại canhr của cây ăn quả. * Phân tích được tiêu chí lựa chọn nghề trồng cây ăn quả | **4** | **4** |  |  |
| 1.2. Nhân giống vô tính cây ăn quả | **Nhận biết:**  **-** Nêu được khái niệm phương pháp nhân giống vô tính giâm cành, ghép cành cây ăn quả  - Nêu được thời vụ, cách chọn cành giâm và giống cây sử dụng giâm cành.  **Thông hiểu:**  - Mô tả được kĩ thuật các bước tiến hành giâm cành, yêu cầu kĩ thuật khi cắt đoạn cành giâm.  - Giải thích được vì sao cần cắt bớt phiến lá trước khi giâm cành.  - Phân tích được ưu điểm và nhược điểm của phương pháp giâm cành và ghép cành.  - Giải thích được vì sao không phun ướt cây ngay sau khi ghép | **5** | **6** |  |  |
| 1.3. Kĩ thuật trồng và chăm sóc cây ăn quả có múi | **Nhận biết:**  - Nêu được đặc điểm thực vật , yêu cầu ngoại cảnh của cây ăn quả có múi.  **Thông hiểu:**   * Trình bày được quy trình kĩ thuật trồng và chăm sóc cây ăn quả có múi. * Trình bày được kĩ thuật cắt tỉa, tạo tán, kĩ thuật điều khiển ra hoa, đậu quả * Giải thích được ý nghĩa của việc điều khiển ra hoa, đậu quả của cây có múi   **Vận dung cao**  - Vận dụng kiến thức về kĩ thuật điều khiển cây ăn quả ra hoa, đậu quả trái vụ vào thực tiễn sản xuất ở gia đình, địa phương. | **5** | **2** |  | **1** |
| 1.4. Kĩ thuật trồng và chăm sóc cây nhãn | **Nhận biết:**  - Nêu được đặc điểm thực vật , yêu cầu ngoại cảnh của cây ăn quả có múi.  **Thông hiểu:**   * Trình bày được quy trình kĩ thuật trồng và chăm sóc cây nhãn. * Trình bày được kĩ thuật cắt tỉa, tạo tán, kĩ thuật điều khiển ra hoa, đậu quả của cây nhãn * Giải thích được ý nghĩa của việc điều khiển ra hoa, đậu quả của cây nhãn   **Vận dung**  - Thực hiện được kĩ thuật điều khiển ra hoa đậu quả của cây nhãn ở gia đình em. | **2** |  | **1** |  |
|  |  |  | **Tổng** | **16TN** | **12TN** | **1TL** | **1TL** |
|  |  |  | **Tỉ lệ %** | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |
|  |  |  | **Tỉ lệ chung** | **70%** | | **30%** | |

**III. NỘI DUNG ĐỀ KIỂM TRA**

1. **Trắc nghiệm khách quan (7điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM**  ***Điền đáp án mà em cho là đúng vào phiếu trả lời trắc nghiệm dưới đây (Mỗi câu 0,25 đ)***  ***đúng được 0,25 điểm)*** | | | | | | | | | | | | | | |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| **Đáp án** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Câu** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** |
| **Đáp án** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Câu 1:** Rễ cây ăn quả gồm mấy loại?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 1. | B. 2. | C. 3. | D. 4. |

**Câu 2:** Phần lớn các loại cây ăn quả đều thích hợp với lượng mưa hằng năm từ

|  |  |
| --- | --- |
| A. 500 – 1 000 mm. | B. 1 000 – 1 500 mm. |
| C. 1 000 – 2 000 mm. | D. 2 000 – 3 000 mm. |

**Câu 3:** Phần lớn thân cây ăn quả là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. thân gỗ. | B. thân bò. | C. thân leo. | D. thân thảo. |

**Câu 4:** Nhiệt độ thích hợp cho cây cam, quýt để ra hoa là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 7 – 8°C | B. 10 - 15°C. | C. 23 - 29°C. | D. 25 – 35°C. |

**Câu 5:** Nội dung nào dưới đây **không** đúng khi nói về vai trò của các loại cây ăn quả với đời sống con người và nền kinh tế?

A. Cung cấp nguồn thực phẩm giàu vitamin và khoáng chất cho con người.

B. Là nguồn nguyên liệu cung cấp cho các nhà máy sản xuất bánh kẹo, sản xuất đồ uống, ô mai, nhà máy chế biến hoa quả đóng hộp.

C. Là mặt hàng xuất khẩu mang lại giá trị kinh tế cao.

D. Là thành phần cơ bản nhất của các bữa ăn và là nguồn cung cấp năng lượng chính cho cơ thể.

**Câu 6:** Đâu **không**phải là tiêu chí phù hợp để lựa chọn ngành nghề trồng cây ăn quả và một số ngành nghề liên quan?

A. Thích tiếp xúc với thiên nhiên, động vật, cây cỏ.

B. Thích làm những công việc ngoài trời hơn là trong văn phòng.

C. Thích làm việc đầu óc hơn làm việc chân tay.

D. Có thể vận hành, điều khiển các máy móc, thiết bị.

**Câu 7:** Nội dung nào dưới đây **không** đúng khi nói về hoa của cây ăn quả?

A. Hoa của cây ăn quả thường gồm ba loại: hoa đực, hoa cái, hoa lưỡng tính.

B. Dựa vào đặc điểm của hoa, con người sẽ có biện pháp phù hợp để chọn giống, nhân giống và điều khiển cây ra hoa, đậu quả.

C. Tùy từng loài, trên mỗi cây ăn quả có thể có một, hai hoặc cả ba loại hoa đực, hoa cái, hoa lưỡng tính.

D. Hoa cái là hoa có cả nhị và nhụy cùng phát triển, đều có vai trò trong sinh sản.

**Câu 8:**Nội dung nào dưới đây **không**đúng khi nói về đất trồng và dinh dưỡng của cây ăn quả?

A. Đa số cây ăn quả thích hợp với các loại đất có tầng đất dày, nhiều chất dinh dưỡng, ít chua, thoát nước tốt.

B. Các loại đất thích hợp trồng cây ăn quả là đất mặn, đất phèn.

C. Trong quá trình phát triển, sinh trưởng, cần cung cấp đủ các chất dinh dưỡng cho cây.

D. Các loại đất thích hợp trồng cây ăn quả là đất phù sa, đất cát pha, đất đỏ.

**Câu 9:** Giống cây thường sử dụng phương pháp chiết cành là

A. bưởi**.** B. thanh long.C. chuối.D. dâu tây.

**Câu 10:** Giâm cành là

A. phương pháp nhân giống cây bằng cách kích thích cho cành ra rễ trên cây mẹ.

B. phương pháp tạo cây con từ đoạn cành hoặc đoạn rễ đã cắt rời khỏi cây mẹ.

C. phương pháp dùng một bộ phận sinh dưỡng của một cây ghép vào một cây khác.

D. quá trình tách rời một bộ phận của cây mẹ, nuôi trong môi trường dinh dưỡng phù hợp.

**Câu 11:** Thời vụ giâm cành thích hợp ở miền Bắc là

A. vụ Xuân và vụ Thu.B. vụ Hè và vụ Thu.

C. vụ Thu. D. vụ Đông và vụ Xuân.

**Câu 12:** Khi giâm cành nên chọn cành như thế nào?

A. Cành trưởng thành. B. Cành non.

C. Cành bánh tẻ.D. Cành già.

**Câu 13:** Ghép cành là

A. phương pháp nhân giống cây bằng cách kích thích cho cành ra rễ trên cây mẹ.

B. phương pháp tạo cây con từ đoạn cành hoặc đoạn rễ đã cắt rời khỏi cây mẹ.

C. phương pháp dùng một bộ phận sinh dưỡng của một cây ghép vào một cây khác.

D. quá trình tách rời một bộ phận của cây mẹ, nuôi trong môi trường dinh dưỡng phù hợp.

**Câu 14:**Quy trình tiến hành giâm cành theo thứ tự nào?

A. Chọn cành giâm → Chăm sóc cành giâm → Xử lý cành giâm → Cắm cành giâm → Cắt cành giâm.

B. Chọn cành giâm → Cắt cành giâm → Xử lý cành giâm → Cắm cành giâm → Chăm sóc cành giâm.

C. Chọn cành giâm → Cắt cành giâm →  Chăm sóc cành giâm→ Cắm cành giâm → Xử lý cành giâm.

D. Chọn cành giâm → Cắt cành giâm → Cắm cành giâm → Xử lý cành giâm → Chăm sóc cành giâm.

**Câu 15:**Tại sao phải cắt bớt phiến lá trước khi giâm cành?

A. Tăng khả năng hút nước của cành giâm.

B. Tăng lực (áp lực) khi cắm cành giâm.

C. Giảm sự thoát hơi nước của cành giâm.

D. Giảm quá trình quang hợp của cành giâm.

**Câu 16:** Nhược điểm của phương pháp giâm cành là

A. phức tạp khó thực hiện.

B. hệ số nhân giống tương đối thấp.

C. cây giống khỏe mạnh hơn cây mẹ.

D. bộ rễ phát triển kém hơn cây nhân giống từ hạt.

**Câu 17:** Đâu **không** phải là ưu điểm của phương pháp ghép?

A. Có khả năng thích ứng cao.  B. Có bộ rễ khỏe mạnh.

C. Có khả năng chống chịu sâu bệnh tốt.  D. Đơn giản, dễ thực hiện.

**Câu 18:** Yêu cầu kỹ thuật khi cắt đoạn cành giâm là gì?

A. Cắt vát cành giâm thành từng đoạn 5 đến 10 cm.

B. Cắt thẳng cành giâm thành từng đoạn 2 đến 7 cm.

C. Cắt vát cành giâm thành từng đoạn 5 đến 10 cm.

D. Cắt thẳng cành giâm thành từng đoạn 2 đến 7 cm.

**Câu 19:** Tại sao không phun ướt cây ngay sau khi ghép?

A. Để cho gốc ghép không bị rơi ra. B. Để tránh nước vào vết ghép.

C. Để không hỏng nylon. D. Để đỡ mất chất dinh dưỡng.

**Câu 20:** Cây ăn quả có múi thuộc họ

A. dừa. B. cam quýt.

C. mít. D. đào.

**Câu 21:** Đâu không phải là giống cây ăn quả có múi?

A. Cam. B. Bưởi. C. Chuối. D. Chanh

**Câu 22:** Cây ăn quả có múi ngừng sinh trưởng khi nào?

A. Dưới 12°C. B. Khoảng 30°C.

C. Từ 23°C đến 29°C. D. Từ 12°C đến 39°C.

**Câu 23:** Cường độ ánh sáng phù hợp cho cây ăn quả có múi là

A. 20 000 - 26 000 Lux. B. 20 000 - 40 000 Lux.

C. 900 - 1200 Lux. D. 10 000 - 15 000 Lux.

**Câu 24:** Đối với cây bưởi, khoảng cách trồng thường là:

A. 3m x 3m hoặc 3m x 4m. B. 4m x 4m hoặc 3m x 4m.

C. 5m x 5m hoặc 5m x 6m. D. 8m x 8m hoặc 8m x 9m.

**Câu 25:** Khi xuất hiện triệu chứng lá bị vàng có đốm xanh, gân lá xanh, lưng lá bị sưng và hóa bần thì cây có múi đang bị nhiễm bệnh gì?

A. Bệnh loét. B. Bệnh vàng lá.

C. Bệnh ghẻ lồi. D. Sâu đục thân.

**Câu 26:** Để nâng cao khả năng đậu quả cho cây ăn quả có múi, ta có thể sử dụng chất kích thích nào?

A. Paclobutrazol. B. phân bón NPK.

C. Cytokinin. D. GA3

**Câu 27:** Cây nhãn thuộc họ

A. bồ hòn. B. cam quýt.

C. đào lộn hột. D. dừa cạn.

**Câu 28:** Cùi nhãn chiếm bao nhiêu phần trăm khối lượng quả?

A. 15% đến 35%. B. 25% đến 35%.

C. 35% đến 55%. D. 25% đến 65%.

**B. Tự luận (3 điểm)**

**Câu 29 (2 điểm):** Giả sử một vườn có khoảng 500 cây Nhãn đang ở thời điểm xuất hiện nụ hoa. Biết giai đoạn này cây cần bón phân: Phân đạm 0,2 kg/cây; Phân lân 0,5 kg/cây; Phân kali 0,25 kg/cây ; phân hữu cơ 3 kg/cây. Hãy tính khối lượng các loại phân bón cần dùng cho 500 cây nhãn trên?

**Câu 30 (1 điểm):** Vì sao lại ưu tiên sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học trong phòng, trị bệnh cho cây ăn quả có múi?

**IV. ĐÁP ÁN – BIỂU ĐIỂM**

**A. Trắc nghiệm khách quan (7 điểm): *Mỗi ý đúng được 0,25 điểm***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| **Đáp án** | B | C | A | C | D | C | D | B | A | B | A | C | C | B |
| **Câu** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** |
| **Đáp án** | C | D | D | A | B | B | C | A | D | C | B | D | A | D |

**B. Tự luận (3 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Hướng dẫn chấm** | **Điểm** |
| **29** | Lượng phân đạm cần dùng là: 0,2 × 500 = 100 (kg).  Lượng phân lân cần dùng là: 0,5 × 500 = 250 (kg).  Lượng phân kali cần dùng là: 0,25 × 500 =125 (kg).  Lượng phân hữu cơ cần dùng là: 3 × 500 = 1500 (kg). | 0,5  0,5  0,5  0,5 |
| **30** | Vì:  + Bảo vệ môi trường và hệ sinh thái. An toàn cho người trồng, chăm sóc và người sử dụng (không để lại tồn dư thuốc trong nông sản).  + Đảm bảo chất lượng và đáp ứng các yêu cầu khắt khe khi xuất khẩu sang các thị trường bên ngoài. | 0,5  0,5 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phê duyệt của BGH** | **Phê duyệt của tổ CM** | **Người ra đề** |